Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 07.01.2020 07:25:07 +07:00

KHU DÂN CƯ ẤP 4B XÃ MINH THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

(THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC)

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Theo QĐ số 1950/QĐ-UBND ngày 09/05/2015	Sau khi điều chỉnh	Tỷ lệ
		(m²)	(m²)	(%)
1	**Đất ở**	**749,293**	**748,020**	**54.39**
	Đất ở liên kế	728,884	727,611	52.91
	Đất khu nhà cao tầng	20,409	20,409	1.48
2	**Đất thương mại dịch vụ**	**45,545**	**45,545**	**3.31**
3	**Đất cây xanh**	**91,316**	**86,846**	**6.63**
4	**Đất công trình dịch vụ cơ bản**	**39,674**	**39,674**	**2.88**
	Đất trường tiểu học, THCS	15,355	15,355	1.11
	Đất nhà trẻ, mẫu giáo.	18,807	18,807	1.37
	Đất trạm y tế, công trình văn hóa…	5,512	5,512	0.40
5	**Đất giao thông**	**399,671**	**405,175**	**29.01**
6	**Đất hành lang kỹ thuật**	**26,780**	**27,018**	**1.94**
7	**Đất đường điện 220kV**	**25,401**	**25,401**	**1.84**
	Tổng cộng	**1,377,680**	**1,377,680**	**100.00**

KÝ HIỆU

- ĐẤT Ở NHÀ LIÊN KẾ
- ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG
- ĐẤT NHÀ TRẺ- TRƯỜNG HỌC
- ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
- ĐẤT GTNT
- ĐẤTCÂY XANH
- ĐẤTCÂY XANH CÁCH LY
- RANH QUI HOẠCH
- LỘNG ĐƯỜNG
- TIM ĐƯỜNG

KÍ HIỆU LÔ ĐẤT — CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%) — DIỆN TÍCH (M2) — TẦNG CAO TRUNG BÌNH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / AUTHORITY — CHỦ TỊCH — Nguyễn Nhật Tuấn
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TECHNICAL INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR — TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN THANH NHÃ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500

KHU DÂN CƯ ẤP 4B

XÃ MINH THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ : 01	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. ĐỒNG MINH ĐAN		
CHỦ TRÌ	KTS. ĐỒNG MINH ĐAN		
CHỦ NHIỆM	KTS. LÊ TẤN VINH		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
GĐ TT Q.HOẠCH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		

TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN HOÀN VŨ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP

BECAMEX IDC

ĐỊA CHỈ: SỐ 8-ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG. ĐIỆN THOẠI: 0274.3822655, FAX: 0274.3822713

KHU DÂN CƯ ẤP 4B XÃ MINH THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

(THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC)

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG PHÂN LÔ

Khu phố Trung Lợi, TT Chơn Thành, H. Chơn Thành, T. Bình Phước

Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (Khu B) xã Minh Thành, huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước

ấp 3 xã, Minh Thành, H. Chơn Thành, T. Bình Phước

Ấp 4 xã Minh Thành, H. Chơn Thành, T. Bình Phước

hướng đi Ngã tư Chơn Thành

hướng đi Bàng Xoài

QUỐC LỘ 14

Suối Ngang

TUYẾN ĐIỆN 220kV

ĐƯỜNG N 3B

ĐƯỜNG D1B

ĐƯỜNG N 2B

ĐƯỜNG N 1B

ĐƯỜNG D 3B

ĐƯỜNG T - 1 ... ĐƯỜNG T - 28

ĐƯỜNG N1 - 1B ... ĐƯỜNG N1 - 3B

ĐƯỜNG N - 3B

B

TỶ LỆ XÍCH

50 0 100 150

KÝ HIỆU

- ĐẤT Ở NHÀ LIÊN KẾ
- ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG
- ĐẤT NHÀ TRẺ- TRƯỜNG HỌC
- ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
- ĐẤTCÂY XANH
- ĐẤTCÂY XANH CÁCH LY

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Theo QĐ số 1950/QĐ-UBND ngày 09/05/2015 (m²)	Sau khi điều chỉnh (m²)	Tỷ lệ (%)
1	**Đất ở**	**749,293**	**748,020**	**54.39**
	Đất ở liên kế	728,884	727,611	52.91
	Đất khu nhà cao tầng	20,409	20,409	1.48
2	**Đất thương mại dịch vụ**	**45,545**	**45,545**	**3.31**
3	**Đất cây xanh**	**91,316**	**86,846**	**6.63**
4	**Đất công trình dịch vụ cơ bản**	**39,674**	**39,674**	**2.88**
	Đất trường tiểu học, THCS	15,355	15,355	1.11
	Đất nhà trẻ, mẫu giáo.	18,807	18,807	1.37
	Đất trạm y tế, công trình văn hóa…	5,512	5,512	0.40
5	**Đất giao thông**	**399,671**	**405,175**	**29.01**
6	**Đất hành lang kỹ thuật**	**26,780**	**27,018**	**1.94**
7	**Đất đường điện 220kV**	**25,401**	**25,401**	**1.84**
	Tổng cộng	**1,377,680**	**1,377,680**	**100.00**

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / AUTHORITY — CHỦ TỊCH — Nguyễn Như Bảo

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 2231 NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2020

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TECHNICAL INSPECTOR — Nguyễn Hoàng Thắng

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR — TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN THANH NHÃ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500

KHU DÂN CƯ ẤP 4B

XÃ MINH THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG PHÂN LÔ

BẢN VẼ : 01	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. ĐỒNG MINH ĐAN		
CHỦ TRÌ	KTS. ĐỒNG MINH ĐAN		
CHỦ NHIỆM	KTS. LÊ TẤN VINH		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
GĐ TT Q.HOẠCH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		

TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN HOÀN VŨ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP

BECAMEX IDC

ĐỊA CHỈ: SỐ 8-ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG; ĐIỆN THOẠI: 0274.3822655, FAX: 0274.3822713

Ngày ký: 07.01.2020 07:25:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 202 /QĐ-UBND	*Chơn Thành, ngày 18 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thuộc dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex – Bình Phước

20 CÔNG VĂN ĐẾN Ngày 21 Tháng 02 Năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/04/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh chính quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex – Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 04/09/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư – Dân cư Ấp 4 xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện Chơn Thành về việc điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư – Dân cư;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước (tại Tờ trình số 17/TT-Cty ngày 13/01/2020) và của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (tại Tờ trình số 19/TTr-KT&HT ngày 17/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (đã được phê duyệt tại Quyết định 1950/QĐ-UBND ngày 04/09/2015 của UBND tỉnh và Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện), cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh tên và mục tiêu đồ án quy hoạch:

- Điều chỉnh tên đồ án quy hoạch từ: **"Khu tái định cư – Dân cư ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành"** thành **"Khu dân cư ấp 4B, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành"**.

- Điều chỉnh mục tiêu đồ án quy hoạch (tại Điều 1, Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh) như sau:

+ Hình thành một khu dân cư có cơ sở hạ tầng đồng bộ, kết nối với các khu dân cư khác trong khu công nghiệp và Dân cư Beecameex – Bình Phước và thị trấn Chơn Thành.

+ Kết nối giao thông và cơ sở hạ tầng với khu vực xung quanh.

+ Quy hoạch không gian xây dựng khu dân cư hợp lý trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên, hiện trạng kiến trúc xây dựng và các mối quan hệ xung quanh.

b) Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Theo QĐ số 1950/QĐ-UBND ngày 09/05/2015	Sau khi điều chỉnh	Tỷ lệ
		(m^2)	(m^2)	(%)
1	**Đất ở**	**749.293**	**748.020**	**54,39**
	Đất ở liên kế	728.884	727.611	52,91
	Đất khu nhà cao tầng	20.409	20.409	1,48
2	**Đất thương mại dịch vụ**	**45.545**	**45.545**	**3,31**
3	**Đất cây xanh**	**91.316**	**86.846**	**6,63**
4	**Đất công trình dịch vụ cơ bản**	**39.674**	**39.674**	**2,88**
	Đất trường tiểu học, THCS	15.355	15.355	1,11
	Đất nhà trẻ, mẫu giáo.	18.807	18.807	1,37
	Đất trạm y tế, công trình văn hóa…	5.512	5.512	0,40
5	**Đất giao thông**	**399.671**	**405.175**	**29,01**
6	**Đất hành lang kỹ thuật**	**26.780**	**27.018**	**1,94**
7	**Đất đường điện 220kV**	**25.401**	**25.401**	**1,84**
	Tổng cộng	**1.377.680**	**1.377.680**	**100,00**

c) Điều chỉnh các thửa đất (tại Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện), như sau:

Điều chỉnh diện tích 02 thửa đất (số 05, 06) thuộc lô TDC-25 thành 01 thửa (thửa số 05); điều chỉnh diện tích thửa đất có số thứ tự từ 52 đến 60 thuộc lô TDC-28; điều chỉnh phần diện tích còn lại sau khi trừ phần đất đường giao thông nông thôn tại các thửa đất có số thứ tự 1, 63 tại lô TDC-27; bỏ 02 thửa đất có số thứ tự 1, 69 tại lô TDC-26.

Chi tiết các thửa đất sau điều chỉnh như sau:

KÝ HIỆU		SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC (m)		DẠNG Ô CÓ CẠNH	DIỆN TÍCH (m²)			TỔNG
LÔ	Ô	Ô	RỘNG	DÀI	KHÔNG VUÔNG	1 Ô	TỔNG Ô	LÔ	SỐ Ô
TDC-25	1	1			X	407,50	407,5	14.283	78
	2->4	3	5	35		175,00	525,0		
	5	1			X	224,66	224,7		
	7.11	2	6.5	35		227,50	455,0		
	8,9,10	3	5	35		175,00	525,0		
	12A->46	34	5	35		175,00	5950,0		
	47->79	33	5	35		175,00	5775,0		
	80	1	12.37	35	X	420,60	420,6		
TDC-26	2->34	33	5	30		150,00	4950,0	10.325	67
	35->36	2	10	30	X	287,50	575,0		
	37->68	32	5	30		150,00	4800,0		
TDC-27	2	1	8	30		240,00	240,0	9.545	60
	3->31	29	5	30		150,00	4350,0		
	32->33	2	10	30	X	287,50	575,0		
	34->61	28	5	30		150,00	4200,0		
	62	1	6	30		180,00	180,0		
TDC-28	1	1	10	30	X	287,00	287,00	9.451	61
	2->25	24	5	30		150,00	3600,0		
	26->51	26	5	30	X	150,00	3900,0		
	52	1	5		X	149,75	149,7		
	53	1			X	147,12	147,1		
	54	1			X	144,00	144,0		
	55	1			X	141,00	141,0		
	56	1			X	137,74	137,7		
	57	1			X	134,60	134,60		
	58	1			X	217,03	217,0		
	59	1			X	262,42	262,4		
	60	1			X	149,80	149,8		
	61	1	6	30		180,00	180,0		

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh nêu trên, các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định 1950/QĐ-UBND ngày 04/09/2015 của UBND tỉnh Bình Phước và Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND huyện Chơn Thành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng phòng: Kinh tế & Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Công ty CP PTHTKT Becamex Bình Phước, Chủ tịch UBND xã Minh Thành; đơn vị lập quy hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- LĐVP; CV: KT. KTN;
- Lưu: VT. Lành CV.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Như Tuân